

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ ĐÀ LẠT

GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ
NGHỀ: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-... ngàytháng.... năm.....
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Đà Lạt*

(LƯU HÀNH NỘI BỘ)

Đà Lạt, năm 2017

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

LỜI GIỚI THIỆU

Việt Nam đang tiến hành cải cách toàn diện, triệt để hệ thống kế toán theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Yêu cầu quản lý kinh doanh trong cơ chế thị trường đòi hỏi những thông tin đa dạng, phục vụ cho các quyết định kinh tế, điều đó đã hình thành khái niệm về hệ thống kế toán tài chính, kế toán quản trị.

Kế toán quản trị - Một bộ phận cấu thành của hệ thống kế toán, được hình thành và phát triển. Thông tin do kế toán quản trị cung cấp phục vụ chủ yếu trong nội bộ doanh nghiệp, thoả mãn yêu cầu thông tin của chủ doanh nghiệp, các nhà quản lý để điều hành kinh doanh.

Để phục vụ công tác giảng dạy và học tập, Khoa Kinh tế đã tổ chức biên soạn giáo trình môn “Kế toán quản trị” trên cơ sở tham khảo tài liệu trong và ngoài nước.

Mặc dù rất cố gắng để hoàn thành tài liệu này với nội dung, kết cấu hợp lý và khoa học, đáp ứng nhu cầu đào tạo trong giai đoạn mới. Song do tài liệu được biên soạn lần đầu nên không tránh khỏi thiếu sót, rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Xin chân thành cảm ơn.

Đà Lạt, ngày.....tháng.....năm...

Chủ biên

Lê Thị Kim Phụng

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	3
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ.....	12
1. Khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của kế toán quản trị.....	13
1.1. Khái niệm về kế toán quản trị	13
1.2. Vai trò của kế toán quản trị	14
1.3. Mục tiêu của kế toán quản trị.....	15
2. Kế toán quản trị, kế toán tài chính và kế toán chi phí.....	15
3. Vai trò của kế toán quản trị trong việc thực hiện các chức năng quản lý. 17	
3.1. Quá trình quản lý và chức năng quản lý	17
3.1.1 Lập kế hoạch.	18
3.1.2 Tổ chức và điều hành.	18
3.1.3 Kiểm soát.....	18
3.1.4 Ra quyết định	18
3.2. Phương pháp nghiệp vụ của kế toán quản trị.....	18
3.3. Tổ chức hệ thống bộ máy kế toán quản trị.....	19
3.3.1 Mô hình kết hợp	19
3.1.2 Mô hình tách biệt	20
3.1.3 Mô hình hỗn hợp	21
Câu hỏi ôn tập và bài tập.....	22
CHƯƠNG 2: PHÂN LOẠI CHI PHÍ.....	24

1. Khái niệm và đặc điểm.....	25
1.1. Khái niệm	25
1.2. Đặc điểm	25
2. Phân loại chi phí.....	25
2.1. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động	25
2.1.1 Chi phí sản xuất.....	25
2.1.2 Chi phí ngoài sản xuất.....	26
2.2. Phân loại theo mối quan hệ với thời kỳ xác định lợi nhuận	26
2.3. Phân loại theo mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí	27
2.4. Phân loại theo cách ứng xử chi phí	27
2.4.1 Biến phí	27
2.4.2 Định phí.....	28
2.4.3 Chi phí hỗn hợp	28
2.5. Phân loại khác sử dụng trong kiểm tra và ra quyết định.....	30
3. Hệ thống quản lý chi phí	30
3.1. Tập hợp và phân bổ chi phí.....	30
3.1.1 Tập hợp và phân bổ chi phí trực tiếp.	31
3.1.2. Tập hợp và phân bổ chi phí gián tiếp.....	31
3.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	32
3.2.1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo kế toán tài chính.....	32

3.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo kế toán quản trị	33
Câu hỏi ôn tập	34
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH MỐI QUAN HỆ CHI PHÍ KHỐI LƯỢNG LỢI NHUẬN VÀ THÔNG TIN THÍCH HỢP VỚI QUYẾT ĐỊNH NGẮN HẠN.....	36
1. Những khái niệm cơ bản thể hiện mối quan hệ chi phí khối lượng lợi nhuận	37
1.1. Số dư đảm phí (Hiệu số gộp)	37
1.2. Tỷ lệ số dư đảm phí.....	37
1.3. Kết cấu chi phí.....	38
1.4. Đòn bẩy kinh doanh	38
2. Phân tích điểm hoà vốn	39
2.1. Khái niệm	39
2.2. Phương pháp xác định điểm hoà vốn.....	39
2.3. Đồ thị hoà vốn.....	40
2.4. Số dư an toàn.....	41
3. Một số ứng dụng của việc phân tích mối quan hệ chi phí khối lượng và lợi nhuận vào việc lựa chọn dự án	42
3.1. Thay đổi định phí và doanh thu	43
3.2. Thay đổi biến phí và doanh thu.....	45
3.3. Thay đổi định phí giá bán và doanh thu.....	46
3.4. Thay đổi định phí biến phí và doanh thu	48
4. Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định kinh doanh ngắn hạn.....	49

4.1. Khái niệm về quyết định ngắn hạn và đặc điểm của nó.....	49
4.2. Thông tin thích hợp	50
4.2.1. Thông tin không thích hợp	50
4.2.2. Thông tin thích hợp	50
4.3. Thông tin thích hợp với việc ra quyết định kinh doanh ngắn hạn	51
4.3.1 Quyết định loại bỏ hay tiếp tục kinh doanh một bộ phận	51
4.3.2 Quyết định nên tự sản xuất hay mua ngoài các chi tiết, bộ phận sản phẩm	55
4.3.3 Quyết định tiếp tục sản xuất hay nên bán	58
4.3.4 Quyết định cách thức sử dụng các năng lực giới hạn	59
4.3.5 Các quyết định về giá bán của phẩm.....	65
Câu hỏi ôn tập	79
CHƯƠNG 4: DỰ TOÁN SẢN XUẤT KINH DOANH	80
1. Khái quát về dự toán sản xuất kinh doanh	81
1.1. Khái niệm và vai trò của dự toán	81
1.2. Hệ thống dự toán sản xuất kinh doanh ở doanh nghiệp.....	81
1.3. Trình tự lập dự toán sản xuất kinh doanh	83
2. Xây dựng định mức chi phí sản xuất kinh doanh	84
2.1. Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	84
2.2. Định mức chi phí nhân công trực tiếp.....	85
2.3. Định mức chi phí sản xuất chung.....	87

3. Lập dự toán sản xuất kinh doanh	87
3.1. Dự toán tiêu thụ.....	87
3.2. Dự toán sản xuất.....	88
3.3. Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	89
3.3.1 Dự toán mua vật liệu trực tiếp:	89
3.3.2 Dự toán sử dụng vật liệu:	90
3.4. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp	90
3.5. Dự toán chi phí sản xuất chung.....	91
3.6. Dự toán thành phẩm tồn kho cuối kỳ	91
3.7. Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	93
3.8. Dự toán tiền mặt.....	94
3.8.1 Dự toán thu tiền bán chịu:.....	94
3.8.2 Dự toán chi trả tiền mua chịu vật liệu:	94
3.9. Dự toán báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh.....	95
3.10. Dự toán bảng cân đối kế toán.....	96
Câu hỏi ôn tập	97
CHƯƠNG 5: XÁC ĐỊNH CHI PHÍ VÀ ĐỊNH GIÁ SẢN PHẨM	98
1. Phương pháp xác định chi phí.....	98
1.1. Xác định chi phí theo công việc.....	98
1.1.1 Khái niệm.	98
1.1.2. Đối tượng phương pháp sử dụng chi phí theo công việc.	98

1.1.3. Quá trình tập hợp trong chi phí xác định chi phí công việc.....	98
1.2. Phương pháp xác định chi phí theo quá trình sản xuất	99
1.2.1. Khái niệm	99
1.2.2. Đối tượng sử dụng phương pháp xác định chi phí theo quá trình sản xuất.....	99
1.2.3. Quá trình kế toán.....	100
2. Định giá sản phẩm và dịch vụ	100
2.1. Những nhân tố chủ yếu đến quyết định giá bán.....	100
2.2. Xác định giá bán sản phẩm sản xuất hàng loạt	101
2.2.2 Phương pháp tính trực tiếp.....	103
2.3. Xác định giá bán dịch vụ.....	104
2.4. Định giá sản phẩm mới	105
Câu hỏi ôn tập	107

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên Môn học: Kế toán quản trị

Mã Môn học: MH 19

Vị trí, tính chất, ý nghĩa và vai trò của Môn học:

- Vị trí: Môn học Kế toán quản trị nằm trong nhóm kiến thức chuyên môn của nghề Kế toán doanh nghiệp. Được học sau khi học xong Môn Nguyên lý kế toán và Kế toán doanh nghiệp.

- Tính chất: Môn học kế toán quản trị là môn học bắt buộc chuyên môn của nghề kế toán doanh nghiệp. Là một bộ phận quan trọng của hệ thống kế toán được hình thành và phát triển thích ứng với yêu cầu của nền kinh tế thị trường có cạnh tranh hiện nay. Có chức năng cung cấp và xử lý thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh một cách cụ thể.

- Ý nghĩa và vai trò của Môn học: Là tài liệu cần thiết đối với cán bộ tài chính kế toán đang thực tế làm việc tại doanh nghiệp.

Mục tiêu của Môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị.

+ Phân tích được các thông tin cho nhà quản lý trong việc lập kế hoạch điều hành, tổ chức thực hiện kế hoạch và quản lý hoạt động kế toán tài chính trong nội bộ doanh nghiệp

+ Vận dụng được các thông tin kinh tế trong việc ra quyết định kinh doanh ngoài thực tế

- Về kỹ năng:

- + Thu thập được các thông tin trong quyết định kinh doanh ngắn hạn
- + Tính được các chỉ tiêu về chi phí, định giá sản phẩm, quyết định giá bán sản phẩm
- + Phân tích và lựa chọn được thông tin cần cung cấp cho đối tượng sử dụng

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Có khả năng tự nghiên cứu, tự học, tham khảo tài liệu liên quan đến môn học để vận dụng vào hoạt động học tập.
- + Vận dụng được các kiến thức tự nghiên cứu, học tập và kiến thức, kỹ năng đã được học để hoàn thiện các kỹ năng liên quan đến môn học một cách khoa học, đúng quy định.

Nội dung của Môn học:

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Mã chương: 1

Tất cả các tổ chức đều có mục tiêu hoạt động, và các nhà quản lý của đều cần thông tin để ra quyết định, vạch kế hoạch, điều hành, và kiểm soát hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu của tổ chức.

Kế toán quản trị là một bộ phận quan trọng trong hệ thống thông tin của một tổ chức. Mục tiêu chủ yếu của kế toán quản trị là: (1) Cung cấp thông tin cho nhà quản lý để lập kế hoạch và ra quyết định, (2) trợ giúp nhà quản lý trong việc điều hành và kiểm soát hoạt động của tổ chức, (3) thúc đẩy các nhà quản lý đạt được các mục tiêu của tổ chức, và (4) đo lường hiệu quả hoạt động của các nhà quản lý và các bộ phận, đơn vị trực thuộc trong tổ chức.

Kế toán quản trị khác với kế toán tài chính ở nhiều điểm. Đối tượng sử dụng thông tin kế toán quản trị là các nhà quản lý bên trong tổ chức. Kế toán quản trị không có tính pháp lệnh và không tuân thủ các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán. Trong khi đó, kế toán tài chính đặt trọng tâm vào việc cung cấp thông tin cho những người bên ngoài tổ chức như các nhà đầu tư, các chủ nợ, các chuyên gia tài chính, khách hàng. Thông tin kế toán tài chính cung cấp bị chi phối bởi các nguyên tắc kế toán, các chuẩn mực kế toán, các qui định của luật pháp và các cơ quan quản lý nhà nước và hoàn toàn dựa vào số liệu từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá khứ.

Kế toán quản trị được xem là một nghề chuyên môn. Để được xã hội thừa nhận, các nhân viên kế toán quản trị phải sở hữu một chứng chỉ hành nghề kế toán và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức hành nghề kế toán.

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm kế toán quản trị
- Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa kế toán quản trị, kế toán tài chính và kế toán chi phí
- Vận dụng được vai trò của kế toán quản trị trong việc thực hiện chức năng quản lý
- Trung thực, nghiêm túc trong nghiên cứu

Nội dung chính:

1. Khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của kế toán quản trị

1.1. Khái niệm về kế toán quản trị

Có rất nhiều các loại hình tổ chức khác nhau có ảnh hưởng đến đời sống hàng ngày của chúng ta: Các nhà sản xuất, công ty dịch vụ, các nhà bán lẻ, các tổ chức phi lợi nhuận và các tổ chức, cơ quan của chính phủ. Tất cả các tổ chức này đều có 2 đặc điểm chung: Thứ nhất, mọi tổ chức đều có các mục tiêu hoạt động. Chẳng hạn, mục tiêu của một hãng hàng không có thể là lợi nhuận và thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng. Mục tiêu của cơ quan công an là đảm bảo an ninh cho cộng đồng với chi phí hoạt động tối thiểu. Thứ hai, các nhà quản lý của mọi tổ chức đều cần thông tin để điều hành và kiểm soát hoạt động của tổ chức. Nói chung, tổ chức có qui mô càng lớn thì nhu cầu thông tin cho quản lý càng nhiều.

Kế toán quản trị là một bộ phận trong hệ thống thông tin của một tổ chức. Các nhà quản lý dựa vào thông tin kế toán quản trị để hoạch định và kiểm soát hoạt động của tổ chức (Hilton, 1991).

Theo luật kế toán Việt Nam, kế toán quản trị được định nghĩa là “việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán (Luật kế toán, khoản 3, điều 4).

Nói tóm lại, kế toán quản trị là một lĩnh vực kế toán được thiết kế để thỏa mãn nhu cầu thông tin của các nhà quản lý và các cá nhân khác làm việc trong một tổ chức (Edmonds *et al*, 2003)

Trong bài này, chúng ta sẽ tìm hiểu vai trò của kế toán quản trị đối với quá trình quản lý chung của một tổ chức. Trong các bài giảng tiếp theo, chúng ta sẽ tìm hiểu kỹ càng các khái niệm và công cụ được sử dụng trong kế toán quản trị.

1.2. Vai trò của kế toán quản trị

Vai trò chủ yếu của nhân viên kế toán quản trị trong một tổ chức là thu thập và cung cấp thông tin thích hợp và nhanh chóng cho các nhà quản lý để họ thực hiện việc điều hành, kiểm soát hoạt động của tổ chức và ra quyết định.

Các nhà quản lý sản xuất thường vạch kế hoạch và ra quyết định về các phương án và lịch trình sản xuất, các nhà quản lý tiếp thị thì ra các quyết định về quảng cáo, khuyến mãi và định giá sản phẩm, và các nhà quản trị tài chính thường ra các quyết định về huy động vốn và đầu tư. Tất cả các nhà quản lý này đều cần thông tin cho các quyết định của họ. Chính các nhân viên kế toán quản trị sẽ cung cấp các thông tin hữu ích cho các nhà quản lý các cấp trong tổ

chức. Vì vậy, một yêu cầu đặt ra cho các nhân viên kế toán quản trị là họ phải am hiểu các tình huống ra quyết định của các nhà quản lý.

1.3. Mục tiêu của kế toán quản trị

Để thực hiện các công việc trong quá trình quản lý hoạt động của tổ chức, các nhà quản lý cần thông tin. Thông tin mà các nhà quản lý cần để thực hiện công việc được cung cấp từ nhiều nguồn khác nhau: các nhà kinh tế, các chuyên gia tài chính, các chuyên viên tiếp thị, sản xuất và các nhân viên kế toán quản trị của tổ chức.

Hệ thống thông tin kế toán quản trị trong tổ chức có nhiệm vụ cung cấp thông tin cho các nhà quản lý để thực hiện các hoạt động quản lý. Kế toán quản trị có bốn mục tiêu chủ yếu như sau:

- ◆ Cung cấp thông tin cho nhà quản lý để lập kế hoạch và ra quyết định
- ◆ Trợ giúp nhà quản lý trong việc điều hành và kiểm soát hoạt động của tổ chức
- ◆ Thúc đẩy các nhà quản lý đạt được các mục tiêu của tổ chức
- ◆ Đo lường hiệu quả hoạt động của các nhà quản lý và các bộ phận, đơn vị trực thuộc trong tổ chức

2. Kế toán quản trị, kế toán tài chính và kế toán chi phí

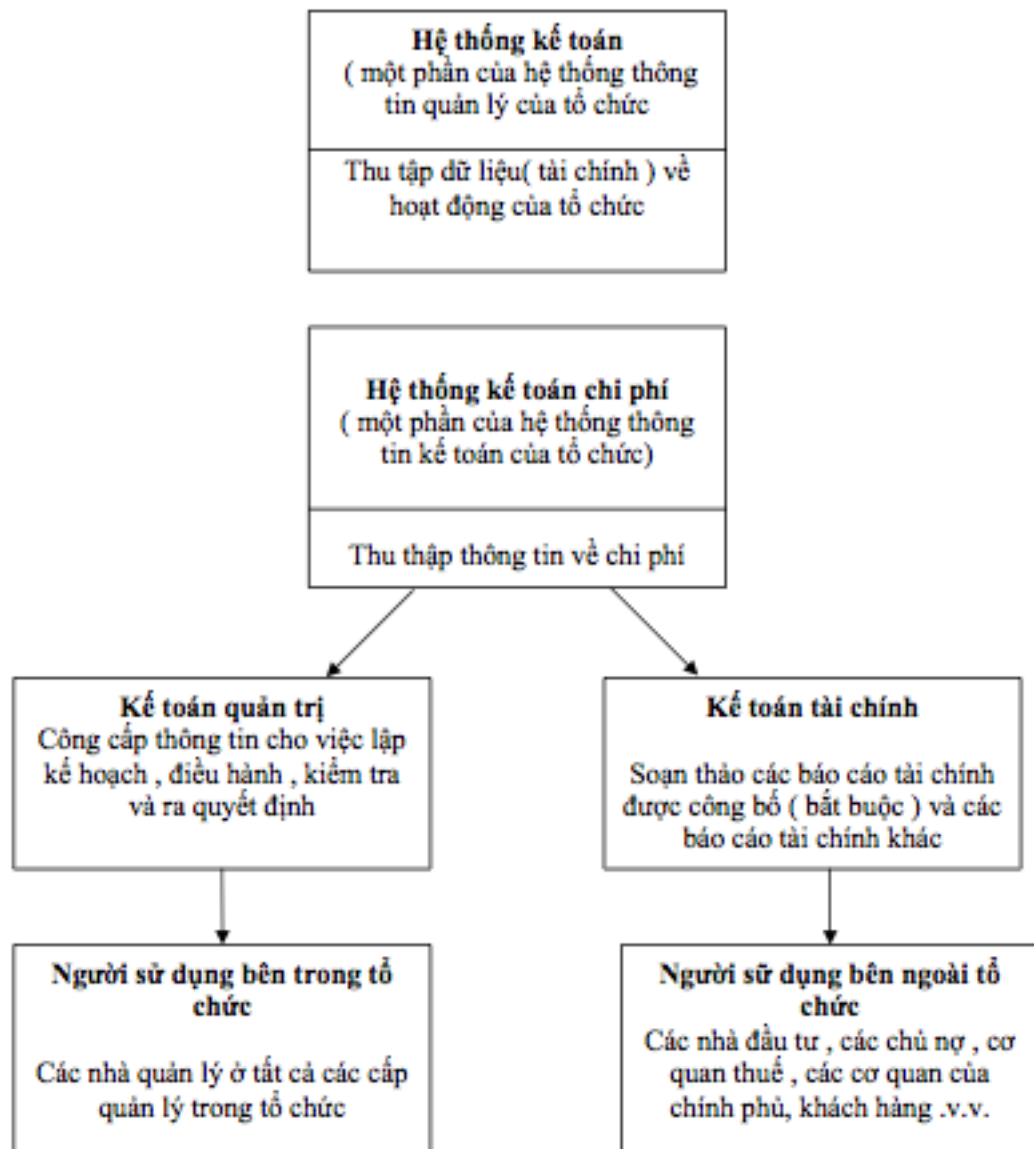
Như đã trình bày trong những phần trên, trọng tâm của kế toán quản trị là cung cấp thông tin phục vụ cho các nhà quản lý của tổ chức. Trong khi đó, mục tiêu của kế toán tài chính (financial accounting) là nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin cho các đối tượng bên ngoài tổ chức. Báo cáo hàng năm của Công ty

VINAMILK cho các cổ đông của công ty là một thí dụ điển hình về sản phẩm của hệ thống kế toán tài chính. Những người sử dụng thông tin kế toán tài chính bao gồm các nhà đầu tư hiện tại và tiềm năng, các chủ nợ, các cơ quan Nhà nước, các nhà phân tích đầu tư, khách hàng.

Tuy vậy, hệ thống kế toán quản trị và kế toán tài chính cũng có nhiều điểm giống nhau bởi vì cả hai hệ thống này đều dựa vào dữ liệu thu thập được từ hệ thống kế toán cơ bản của tổ chức. Hệ thống này bao gồm thủ tục, nhân sự, và hệ thống máy tính để thu thập và lưu trữ các dữ liệu tài chính của tổ chức. Một phần của hệ thống kế toán chung này là hệ thống kế toán chi phí (cost accounting), có nhiệm vụ thu thập thông tin chi phí được sử dụng trong cả hệ thống kế toán quản trị và kế toán tài chính. Ví dụ, số liệu về giá thành sản phẩm được nhà quản lý sử dụng để định giá bán sản phẩm, đó là một mục đích sử dụng thông tin của kế toán quản trị. Tuy vậy, số liệu giá thành cũng được sử dụng để xác định giá trị hàng tồn kho trên bảng cân đối kế toán, đó lại là một mục đích sử dụng thông tin của kế toán tài chính.

Sơ đồ 1.2 mô tả mối quan hệ giữa các hệ thống kế toán cơ bản của tổ chức với các hệ thống kế toán chi phí, kế toán quản trị, và kế toán tài chính. Mặc dù, giữa hệ thống kế toán quản trị và hệ thống kế toán tài chính có nhiều điểm chung, nhưng giữa chúng có sự khác biệt rất lớn. Bảng 1.1 liệt kê những điểm khác biệt giữa hai hệ thống kế toán này.

Sơ đồ 1.2 - Mối quan hệ giữa các hệ thống kế toán trong một tổ chức



3. Vai trò của kế toán quản trị trong việc thực hiện các chức năng quản lý

3.1. Quá trình quản lý và chức năng quản lý

Để làm tốt chức năng cơ bản của mình nhà quản trị cần thực hiện bốn hoạt động cơ bản sau:

- * Lập kế hoạch
- * Tổ chức và điều hành hoạt động.
- * Kiểm soát hoạt động.
- * Ra quyết định

3.1.1 Lập kế hoạch.

Lập kế hoạch là giai đoạn đầu tiên của quá trình hoạt động của các doanh nghiệp và để làm tốt chức năng này nhà quản trị cần vạch ra các bước đi cụ thể để đưa hoạt động của doanh nghiệp hướng về các mục tiêu đã xác định.

3.1.2 Tổ chức và điều hành.

Một tổ chức có thể được xác định như là một nhóm người liên kết với nhau để thực hiện một mục tiêu chung nào đó.

3.1.3 Kiểm soát

Để thực hiện chức năng kiểm tra, các nhà quản lý sử dụng các bước công việc cần thiết để đảm bảo cho từng bộ phận và cả tổ chức đi theo đúng kế hoạch đã vạch ra.

3.1.4 Ra quyết định

Ra quyết định là việc thực hiện những lựa chọn hợp lý trong số các phương án khác nhau.

3.2. Phương pháp nghiệp vụ của kế toán quản trị

Về phương pháp chứng từ kế toán

- Kế toán quản trị cũng dựa vào những chứng từ ban đầu của kế toán.
- Kế toán quản trị còn phải thiết lập hệ thống chứng từ riêng

Về phương pháp tài khoản kế toán

- Kế toán quản trị tổ chức chi tiết hơn thành các tiểu khoản cấp 3,4,5,6...
- Kế toán quản trị còn cần phải mở hệ thống sổ kế toán chi tiết

Về phương pháp tính giá

Đối với kế toán quản trị, việc tính giá các loại tài sản mang tính linh hoạt cao hơn kế toán tài chính

Phân loại chi phí trong kế toán quản trị cũng có cách phân loại và nhận diện chi phí riêng như chi phí cơ hội, chi phí chìm, biến phí, định phí.

- Việc tính giá tài sản không chỉ tính giá thực tế đã thực hiện mà còn tính giá chi tiết đối với tài sản có liên quan đến các phương án, tình huống quyết định trong tương lai.

Phương pháp tổng hợp cân đối

Phương pháp này thường được kế toán quản trị sử dụng trong việc lập các báo cáo tổng hợp cân đối bộ phận báo cáo nội bộ. Ngoài ra phương pháp này còn được KTQT để lập các cân đối trong dự toán.

3.3. Tổ chức hệ thống bộ máy kế toán quản trị

3.3.1 Mô hình kết hợp

Đối tượng áp dụng: Mô hình này thường được vận dụng ở các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, số lượng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh với tần xuất ít.

Theo mô hình này các quyền gia kế toán đồng thời đảm nhiệm hai nhiệm vụ: thu thập và xử lý thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Ưu điểm: Kết hợp chặt chẽ thông tin kế toán tài chính và kế toán quản trị, tiết kiệm chi phí, thu thập thông tin nhanh

Nhược điểm: Chưa chuyên môn hoá hai loại kế toán theo công nghệ hiện đại

Các công việc của kế toán được thực hiện cho mỗi phân hành kế toán được cụ thể hoá như sau:

Căn cứ vào chứng từ ban đầu để ghi vào các sổ kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Cuối kỳ hoặc theo yêu cầu của nhà quản trị kế toán tiến hành lập các báo cáo kế toán: Báo cáo kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Phân tích, đánh giá kết quả thu được so với các dự toán, định mức đã xây dựng. Xử lý thông tin, cung cấp kịp thời để phục vụ ra quyết định cho mọi đối tượng.

3.1.2 Mô hình tách biệt

Đối tượng áp dụng: Mô hình này thường được vận dụng ở các doanh nghiệp có quy mô lớn, số lượng nghiệp vụ kinh tế phát sinh với tần suất nhiều, kinh doanh đa ngành, đa nghề.

Theo mô hình này các chuyên gia kế toán quản trị tách biệt với các chuyên gia kế toán tài chính.

Ưu điểm: Tách biệt thông tin kế toán tài chính độc lập với kế toán quản trị theo hướng cả hai đều có thể hiện đại hoá.

Nhược điểm: Chưa khái quát được thông tin của 2 phân hệ với nhau.

Các công việc cụ thể của kế toán quản trị được cụ thể hoá như sau:

- Lập dự toán, định mức chi phí, ngân sách cho các bộ phận và toàn doanh nghiệp.
- Căn cứ vào chứng từ ban đầu, hướng dẫn... để ghi vào sổ kế toán quản trị theo nhu cầu của các nhà quản trị.